tài yáng bàn tiān 太阳 14课 14课 shí hòu wǎn shàng 时候 14课 14课 yuè liàng fēi cháng 14课 14课 shuì zhē xǐng lái 睡着 14课 14课 zhē jí shài gān 14课 14课

bàn tiān

half a day, a long time

tài yáng

the sun

wǎn shàng

evening, night

shí hòu

time,length of time,moment,period

fēi cháng

unusual, extraordinary, extreme, very, exceptional

yuè liàng

moon

xǐng lái

to wake up

shuì zhē

asleep

shài gan

to dry in the sun

zhē jí

to worry,to feel anxious,Taiwan pron. zhao1 ji2

pá shàng shuǐ gōu 14课 14课 wán 14课 14课 duǒ qǐ lái xiǎo jī 躲起来 14课 14课 rèn wéi zhuī 14课 14课 xiǎo yā shēng qì 14课 14课

shuǐ gōu

gutter, sewer

pá shàng

climb

wán

to finish,to be over,whole,complete,entire

wán

to play with,to joke,to enjoy,to amuse oneself,to have fun,curios,antiques,

xiǎo jī

chick

duǒ qǐ lái

to hide, to escape

rèn wéi

to believe,to think,to consider,to feel

zhuī

to pursue,to chase after,to expel

shēng qì

angry,mad,offended,animated,t o get angry,to be enraged,to take offense,animation xiǎo yā

duckling

dài zhē bù néng 14课 14课 hái néng yĭ jīng 14课 14课 zhī yǒu yī zhī 14课 14课 hảo bàn fă yàng zì 好办法 14课 14课 hóu zǐ cǎo mào 14课 14课

bù néng

cannot, must not, should not

dài zhē

wear

yĭ jīng

already

hái néng

still can

zhī yǒu

only

yī zhī

one, a

hảo bàn fă

good idea

yàng zǐ

shape, appearance, manner, model

hóu zǐ

monkey

cǎo mào

straw hat